

**Đặc tả cấu trúc thông tin mẫu Giấy Cam Kết Chấp Thuận Điều Trị Bằng Xạ Trị**

**Bảng mô tả định dạng**

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN                 | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                                      | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU   | NGUỒN THAM CHIẾU                           |
|----------|--------------------------------|--------------|--------------------|--------------------------------------------|--------------|------------------|--------------------------------------------|
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.1          | MaQuanLy           | Mã quản lý                                 | Số nguyên    | 25               |                                            |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.2          | MaBenhNhan         | Mã bệnh nhân                               | Chuỗi        | 25               |                                            |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.3          | HoVaTenBenhNhan    | Họ tên người bệnh                          | Chuỗi        | 250              |                                            |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.4          | NgaySinh           | Ngày sinh người bệnh                       | Ngày         | YYYY/MM/DD       |                                            |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.5          | GioiTinh           | Giới tính người bệnh (1-Nam, 2-Nữ, 3-Khác) | Số nguyên    | 1                | Theo BHYT: 1: Nam; 2: Nữ; 3: Chưa xác định |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.6          | DiaChi             | Địa chỉ người bệnh                         | Chuỗi        | 500              |                                            |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.7          | NgayVaoVien        | Ngày vào viện                              | Ngày giờ     | YYYY/MM/DD HH:mm |                                            |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.8          | ID                 | Mã định danh phiếu/giấy                    | Số nguyên    | 25               |                                            |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.9          | CoQuanChuQuan      | Cơ quan chủ quản                           | Chuỗi        | 250              |                                            |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.10         | CoSoKhamChuaBenh   | Cơ sở khám chữa bệnh                       | Chuỗi        | 250              | Theo BHYT                                  |
| I        | Thông tin người                | 1.11         | HoTenNguoiKy       | Họ và tên người                            | Chuỗi        | 250              |                                            |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN                 | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN   | MÔ TẢ                                  | Kiểu dữ liệu     | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU   | NGUỒN THAM CHIẾU                           |
|----------|--------------------------------|--------------|----------------------|----------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------------------------|
|          | ký & bệnh nhân                 |              |                      | ký                                     |                  |                  |                                            |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.12         | TuoiNguoiKy          | Tuổi                                   | Số nguyên        | 4                |                                            |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.13         | GioiTinhNguoiKy      | Giới tính (1-Nam, 2-Nữ, 3-Khác)        | Số nguyên        | 1                | Theo BHYT: 1: Nam; 2: Nữ; 3: Chưa xác định |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.14         | DiaChiNguoiKy        | Địa chỉ người ký                       | Chuỗi            | 500              |                                            |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.15         | LoaiNguoiKy          | Loại người ký (người bệnh / thân nhân) | Enum (Số nguyên) | 1                |                                            |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.16         | MoiQuanHeVoiBenhNhan | Quan hệ với người bệnh                 | Chuỗi            | 100              |                                            |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.17         | Tuoi                 | Tuổi người bệnh                        | Số nguyên        | 4                |                                            |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.18         | KhoaDieuTri          | Khoa điều trị                          | Chuỗi            | 250              | Quyết định 5937/QĐ-BYT (PL5)               |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.19         | PhongDieuTri         | Phòng điều trị                         | Chuỗi            | 50               |                                            |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.20         | NgayXacNhan_BacSi    | Ngày bác sĩ xác nhận                   | Ngày giờ         | YYYY/MM/DD HH:mm |                                            |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.21         | HoTen_BacSi          | Họ tên bác sĩ xác nhận                 | Chuỗi            | 250              |                                            |
| I        | Thông tin người                | 1.22         | Ma_BacSi             | Mã bác sĩ xác                          | Chuỗi            | 25               |                                            |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN                 | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                             | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU      | NGUỒN THAM CHIẾU   |
|----------|--------------------------------|--------------|--------------------|-----------------------------------|--------------|---------------------|--------------------|
|          | ký & bệnh nhân                 |              |                    | nhận                              |              |                     |                    |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.23         | SoYTe              | Tên Sở Y tế                       | Chuỗi        | 250                 |                    |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.24         | BenhVien           | Tên bệnh viện                     | Chuỗi        | 250                 | Theo danh mục BHYT |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.25         | MaCSKCB            | Mã cơ sở khám chữa bệnh           | Chuỗi        | 25                  |                    |
| I        | Thông tin người ký & bệnh nhân | 1.26         | IDMauPhieu         | Mã định danh mẫu phiếu            | Số nguyên    | 5                   |                    |
| II       | Các hình thức xạ trị           | 2.1          | XaTriChieuNgoai    | Xạ trị chiếu ngoài cơ thể         | Chuỗi        | 300                 |                    |
| II       | Các hình thức xạ trị           | 2.2          | XaTriApSat         | Xạ trị áp sát                     | Chuỗi        | 300                 |                    |
| II       | Các hình thức xạ trị           | 2.3          | XaTriDongVi        | Trị liệu bằng đồng vị phóng xạ    | Chuỗi        | 300                 |                    |
| III      | Thông tin điều trị             | 3.1          | SoLanXaTri         | Số lần xạ trị dự kiến             | Số nguyên    | 10                  |                    |
| III      | Thông tin điều trị             | 3.2          | KhoangCachLanXaTri | Khoảng cách giữa các lần điều trị | Chuỗi        | 50                  |                    |
| III      | Thông tin điều trị             | 3.3          | NgayKy_NguoiBenh   | Ngày ký xác nhận                  | Ngày giờ     | YYYY/MM/DD<br>HH:mm |                    |

Chuỗi Json:

```
{  
  "MaQuanLy": 155005,
```

"MaBenhNhan": "",  
"HoVaTenBenhNhan": "Trần Thị B",  
"NgàySinh": "2026-04-01",  
"GioiTinh": 2,  
"DiaChi": "45 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh",  
"NgàyVaoVien": "2026-04-01T14:30:00",  
"ID": 0,  
"CoQuanChuQuan": "Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh",  
"CoSoKhamChuaBenh": "Bệnh viện Ung Bướu TP. Hồ Chí Minh",  
"HoTenNguoiKy": "Nguyễn Văn A",  
"TuoiNguoiKy": 45,  
"GioiTinhNguoiKy": 1,  
"DiaChiNguoiKy": "12 Nguyễn Trãi, Phường 2, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh",  
"LoaiNguoiKy": 2,  
"MoiQuanHeVoiBenhNhan": "Con trai",  
"Tuoi": 60,  
"KhoaDieuTri": "Khoa Xạ trị",  
"PhongDieuTri": "Phòng 203",  
"NgàyXacNhan\_BacSi": "2026-04-01T14:30:00",  
"HoTen\_BacSi": "BS. Lê Văn C",  
"Ma\_BacSi": "CCHN-08/HCM",  
"SoYTe": "Sở Y tế TP Hồ Chí Minh",  
"BenhVien": "Bệnh viện Từ Dũ",  
"MaCSKCB": "79001",  
"IDMauPhieu": 1028,  
"XaTriChieuNgoai": "Xạ trị chiếu ngoài vùng vú trái",  
"XaTriApSat": "Không áp dụng",  
"XaTriDongVi": "Không áp dụng",  
"SoLanXaTri": 25,  
"KhoangCachLanXaTri": "1 ngày/lần (thứ 2–thứ 6)",  
"NgàyKy\_NguoiBenh": "2026-04-01T14:30:00"

}